



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 13, THÁNG 9, 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



- Hội nghị trực tuyến cấp bộ trưởng khu vực ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) lần thứ 7

- Dự thảo của Đông Phi về tiêu chuẩn đặc điểm kỹ thuật đối với đu đủ tươi (pawpaw)

Cơ quan chủ quản
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Lê Thanh Hòa
Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập
TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban
(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)
ThS. Nguyễn Quốc Chính
KS. Nguyễn Tử Cương
ThS. Trần Thùy Dung
TS. Nguyễn Thu Hồng
ThS. Trần Diễm Hồng
KS. Lê Anh Ngọc
ThS. Trần Thị Tú Oanh
PGS. TS. Nguyễn Anh Thu
ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập
TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019
Email: spsvietnam@mard.gov.vn
Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số: 22/GP-XBBT ngày 23/3/2021 của Cục Báo chí,
Bộ Thông tin và Truyền Thông
In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

Thông tin - Hoạt động

- Hội nghị trực tuyến cấp Bộ trưởng khu vực ASEAN – Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) lần thứ 7. 3
- Dự thảo của Đông Phi về tiêu chuẩn đặc điểm kỹ thuật đối với đu đủ tươi (pawpaw) 5
- Thông báo về việc sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng để kích tác enzyme đông sữa từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319 trong sữa chua. 9
- Trung Quốc ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ Thực vật trong thực phẩm (GB 2763-2021) Áp dụng từ 03/9/2021 10

Ý kiến - Trao đổi

- Đề xuất của Bộ Y tế Canada cho phép sử dụng chất *Glycolipid* chuỗi dài từ *Dacryopinax spathularia* MUCL 53181 làm chất bảo quản trong nhiều loại đồ uống không cồn. 11
- Liên minh châu Âu cho phép sử dụng nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis* làm chất bổ sung thực phẩm cho người trên 14 tuổi. 13
- EU thông báo bổ sung 3-(1-((3, 5-dimethylisoxazol-4-yl) methyl)-1H-pyrazol-4-yl) - 1-(3- hydroxybenzyl) imidazolidine-2, 4-dione vào danh sách các chất tạo hương vị của Liên minh 15
- Cảnh báo của EU đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm trong tháng 9 năm 2021 17
- Thông báo về một số mặt hàng nông sản và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (EU) bị thu hồi hoặc cảnh báo 18

Văn bản mới

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 9/2021 20

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN CẤP BỘ TRƯỞNG KHU VỰC ASEAN - TRUNG QUỐC VỀ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) LẦN THỨ 7

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Hội nghị trực tuyến cấp Bộ trưởng khu vực ASEAN – Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) lần thứ 7.

Ngày 13/9, Hội nghị Cấp Bộ trưởng Cộng đồng ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm lần thứ 7 đã được tổ chức trực tuyến. Hội nghị nằm trong khuôn khổ hoạt động của Hội chợ triển lãm Trung Quốc - ASEAN lần thứ 18, do Tổng cục Hải quan Trung Quốc tổ chức, với sự đồng chủ trì của Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Trung Quốc Vương Lệnh Quân, và Ông Sakun, Bộ trưởng Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia và đại diện chính quyền tỉnh Quảng Tây, Phó Chủ tịch Khu tự trị Dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây Phương Xuân Minh, cùng các Bộ trưởng phụ trách về kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm của mười nước ASEAN, và Phó Tổng Thư ký Ban Thư ký ASEAN. Về phía Việt Nam, tham dự hội nghị có Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Quốc Doanh, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam Lê Thanh Hòa cùng Lãnh đạo các cục chuyên ngành Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản ...

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Vương Lệnh Quân nhận định, Trung Quốc và ASEAN tiếp giáp về địa lý, lịch sử và văn hóa hòa quyện, tài nguyên ưu đãi, cơ cấu kinh tế thương mại có tính bổ sung cao, hợp tác kinh tế thương mại có những lợi thế riêng. Kể từ khi thiết lập mối quan hệ đối thoại giữa Trung Quốc và ASEAN năm 1991, quan hệ hợp tác ngày càng trở nên mật thiết, sự phát triển của kinh tế và thương mại song phương đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, quy mô thương mại khu vực phát triển nhanh chóng, từ 1991-2020 sau 30 năm phát triển, kim ngạch thương mại tăng từ 836 triệu USD lên đến 68,525 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 16,5%, vượt qua tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu bình quân hàng năm của Trung Quốc. Riêng lĩnh vực nông sản, tính đến



(Ảnh: nguồn internet)

nay, gần 1.500 sản phẩm nông sản và thực phẩm của 10 nước ASEAN được xuất khẩu vào Trung Quốc. Theo thống kê của cơ quan hải quan Trung Quốc, những năm gần đây, kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản từ ASEAN vào Trung Quốc tăng trưởng liên tiếp hàng năm, năm 2020 tăng trưởng 10,3% so với năm 2019, 8 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng 41,7% so với cùng kỳ. Năm 2020, đối mặt với tác động nặng nề của đại dịch viêm phổi (Covid-19), Trung Quốc và các nước ASEAN đã hợp tác sâu rộng trong phòng, chống dịch và duy trì hiệu quả sự ổn định chuỗi sản xuất, cung ứng khu vực và đảm bảo sự phát triển thương mại song phương, ASEAN tiếp tục giữ vững vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc.

Hội nghị đã điểm lại lịch sử phát triển hợp tác của lĩnh vực kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm Trung Quốc - ASEAN, xác định rõ nhiệm vụ và yêu cầu của cuộc họp cấp cao Trung Quốc - ASEAN gần đây về tăng cường hợp tác kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm, đồng thời nhấn mạnh mục tiêu tiếp tục củng cố cơ chế hợp tác đa dạng hóa và sâu sắc hơn nữa giữa Trung Quốc - ASEAN, đạt được nhận thức chung trong các thỏa thuận về cơ chế hợp tác lĩnh vực kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm, thúc đẩy sự phát triển an toàn và thuận lợi hóa trong thương mại nông sản và thực phẩm giữa hai bên, đồng thời ký MOU Trung Quốc-ASEAN mới hợp tác về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật.

Phó Tổng Cục trưởng Vương Lệnh Quân nhấn mạnh, việc hợp tác Trung Quốc - ASEAN trong lĩnh vực kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm là một lĩnh vực quan trọng của hợp tác kinh tế và thương mại song phương, đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng thương mại, đặc biệt là thương mại nông sản. Với nỗ lực chung của hai bên, hợp tác Trung Quốc - ASEAN về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cấp độ hợp tác ngày càng nâng cao, cơ chế hợp tác ngày càng hoàn thiện, phương thức hợp tác ngày càng đa dạng hóa, thành quả hợp tác ngày càng phong phú. Có được những thành tựu này là do cả hai bên luôn tuân thủ mục tiêu hợp tác “Chung tay xây dựng một cộng đồng Trung Quốc - ASEAN mật thiết hơn vì tương lai chung”, luôn kiên trì nguyên tắc cùng hợp tác ứng phó với những thách thức chung trên tinh thần tuân thủ mục tiêu ban đầu là hướng tới con người, hợp tác cùng có lợi.

Hội nghị đã nghe báo cáo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về cuộc họp của nhóm kỹ thuật SPS vào tháng 7/2021 giữa các đầu mối thực hiện SPS của các nước nhằm xác định vai trò quan trọng của các hoạt động, thông qua dự thảo kết quả hợp tác giai đoạn 2019-2021 và dự thảo chương trình trong giai đoạn 2022-2023, đồng thời đánh giá lại các nội dung của bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa hai bên để báo cáo các Bộ trưởng chỉ đạo về SPS trong tương lai. Tại hội nghị này Tổng cục Hải quan Trung Quốc cũng giới thiệu và thông báo chính thức hoạt động của Website: <http://www.chinaaseansps.com> sau khi thực hiện nâng cấp để tăng cường minh bạch hóa về các biện pháp SPS trong khu vực hợp tác.

Tham dự hội nghị, Bộ trưởng các nước khẳng định cao vai trò của hợp tác kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm Trung Quốc - ASEAN trong việc thúc đẩy phát triển thương mại song phương, duy trì ổn định và an toàn của chuỗi sản xuất công nghiệp và cung ứng quốc tế, tin tưởng vào triển vọng rộng lớn của nông sản và thực phẩm chất lượng cao từ các nước ASEAN vào thị trường Trung Quốc. Tổng cục Hải quan Trung Quốc và các nước ASEAN sẽ coi kỷ niệm 30 năm quan hệ đối thoại Trung Quốc - ASEAN là cơ hội nắm bắt phát triển, tiếp tục hợp tác sâu sắc, tận dụng tốt cơ chế hợp tác ba cấp đã được thiết lập về kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm, phát huy vai trò truyền thông và điều phối của mạng thông tin hợp tác về kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm Trung Quốc - ASEAN.

Phát biểu tại hội nghị, Phó Tổng thư ký Ban Thư ký ASEAN cho biết tháng 7/2020 hai bên đã ký hiệp định tăng cường hợp tác trong các biện pháp phi kỹ thuật, vừa qua đã tổ chức diễn đàn tham vấn xây dựng nội dung hợp tác SPS trong giai đoạn mới 2022-2023 và nhấn mạnh việc thông qua kế hoạch hành động nhằm mục tiêu nâng tầm hợp tác ASEAN – Trung Quốc lên mức chiến lược toàn diện.

Về phía Việt Nam, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh nhấn mạnh vai trò của việc tăng cường hợp tác lĩnh vực SPS giữa cộng đồng ASEAN và Trung Quốc nhằm phối hợp thúc đẩy hệ thống cảnh báo nhanh giữa Trung Quốc và ASEAN để trao đổi thông tin, thông báo kịp thời các vấn đề phát sinh đối với các lô hàng xuất khẩu, giải quyết ngay các vướng mắc trong quá trình trao đổi thương mại, đánh giá cao việc Trung Quốc hoàn thiện website về hợp tác SPS để các nước ASEAN thuận lợi tra cứu và minh bạch hóa thông tin. Trong bối cảnh do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh đề nghị Trung Quốc xem xét áp dụng linh hoạt hình thức kiểm tra trực tuyến hoặc qua video để mở cửa thị trường cho nông sản của Việt Nam xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc trong thời gian sớm nhất.



(Ảnh: nguồn internet)

Tổng kết, Hội nghị tuyên bố thông qua “Thông cáo báo chí chung của Hội nghị Bộ trưởng Trung Quốc-ASEAN lần thứ bảy về hợp tác kiểm dịch động, thực vật và An toàn Thực phẩm”; “Kế hoạch hành động thường niên về kiểm dịch động, thực vật và An toàn Thực phẩm Trung Quốc-ASEAN 2022-2023”; công bố chính thức ra mắt Mạng thông tin hợp tác về kiểm dịch động, thực vật và An toàn thực phẩm Trung Quốc - ASEAN sau nâng cấp (website <http://www.chinaaseansps.com>) website này sẽ do Tổng cục Hải quan Trung Quốc điều phối với các đầu mối thực thi SPS của ASEAN để cùng duy trì hoạt động.

DỰ THẢO CỦA ĐÔNG PHI VỀ TIÊU CHUẨN ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT ĐỐI VỚI ĐU ĐỦ TƯƠI (PAWPAW)

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh: nguồn internet)

Ngày 8/9/2021, Uganda ra thông báo số G/SPS/N/UGA/171 về dự thảo tiêu chuẩn đặc điểm kỹ thuật đối với đu đủ tươi (Pawpaw) để lấy ý kiến của tất cả các đối tác thương mại, nội dung chính của Dự thảo cụ thể như sau:

1. Phạm vi

Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này chỉ định các yêu cầu đối với các giống đu đủ thương mại (Pawpaw) từ cây đu đủ *Carica L.*, thuộc họ Caricaceae, được cung cấp tươi cho người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho đu đủ để chế biến công nghiệp.

2. Quy chuẩn tham chiếu

Nội dung các tài liệu sau đây được tham chiếu để cấu thành yêu cầu của văn bản này:

- Đề xuất Quy tắc thực hành quốc tế về đóng gói và vận chuyển theo CAC/RCP 44;

- Quy tắc thực hành đảm bảo vệ sinh cho trái cây và rau quả tươi theo CAC/RCP 53;

- Tiêu chuẩn chung cho các chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn theo Codex Stan 193;

- Yêu cầu chung của ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn theo EAS 38;

- Lấy mẫu trái cây và rau quả tươi theo ISO 874.

3. Các thuật ngữ

Các thuật ngữ và định nghĩa sau đây được áp dụng.

3.1. Dịch bệnh

Các tình trạng xấu gây ra bởi các sinh vật như nấm, vi khuẩn, virus hoặc côn trùng.

3.2. Hư tổn

Các khiếm khuyết dù chỉ ảnh hưởng nhẹ tới vẻ ngoài hay chất lượng thực của đu đủ.

4. Yêu cầu

4.1 Yêu cầu tối thiểu

Với các quy định đặc biệt cho mỗi loại và dung sai cho phép, đu đủ phải đạt:

- Còn nguyên vẹn;
- Loại bỏ những quả không phát ra tiếng vang vì bị nát hoặc sâu, không phù hợp cho tiêu thụ;
- Sạch, không bị dị tật;
- Không hư hại do sâu bệnh;
- Bề ngoài không bị hư hại do sâu bệnh;
- Không bị đổ mồ hôi ngoài vỏ, trừ trường hợp rã đông sau khi rời kho lạnh;
- Không có mùi, vị lạ;
- Săn chắc;
- Tươi;

- Không bị hư hại vì nhiệt độ.

Nếu có cuống thì không được dài quá 1 cm.

4.2 Yêu cầu về thời gian thu hoạch

4.2.1 Đu đủ phải được chọn lựa một cách cẩn thận và phải đạt đến mức độ chín thích hợp dựa theo các đặc điểm của chủng loại/ tính thương mại và khu vực canh tác.

4.2.2 Đu đủ phải trong điều kiện chịu được các hình thức vận chuyển và xử lý và ở trạng thái đạt yêu cầu khi đến điểm vận chuyển.

5. Phân loại

5.1 Loại đặc biệt

Đu đủ thuộc loại này sẽ có chất lượng vượt trội. Chúng sẽ là đặc trưng của giống loài/loại hình thương mại. Chúng phải không có khuyết điểm, ngoại trừ các khiếm khuyết rất nhẹ không ảnh hưởng về bề ngoài, đảm bảo về chất lượng, chất lượng bảo quản và hình thức trong bao bì.



5.2 Loại I.

Đu đủ loại này sẽ có chất lượng tốt, là đặc trưng của giống loài/loại hình thương mại.

Những khiếm khuyết nhỏ sau đây có thể được chấp nhận, miễn là những lỗi này không

ảnh hưởng đến vẻ ngoài, chất lượng, chất lượng bảo quản và hình thức trong bao bì của đu đủ:

- Khiếm khuyết nhẹ về hình dạng;
- Khiếm khuyết nhẹ vỏ ngoài (thâm tím, đốm cháy nắng hoặc bông do nhựa latex (mủ đu

đủ)). Vùng bị ảnh hưởng không quá 10% bề mặt sản phẩm.

Trong mọi trường hợp các khuyết điểm phải không ảnh hưởng đến chất lượng thịt đu đủ.

5.3 Loại II.

Loại này gồm đu đủ tươi không đủ điều kiện để đưa vào các loại cao hơn, nhưng đáp ứng yêu cầu tối thiểu được chỉ định trong 4.1. Các khiếm khuyết sau đây có thể được chấp nhận miễn là đu đủ giữ lại các đặc điểm thiết yếu liên quan đến chất lượng, chất lượng bảo quản và trình bày:

- Khiếm khuyết về hình dạng;
- Khiếm khuyết trong màu sắc;
- Khiếm khuyết vỏ ngoài (thâm tím, đốm cháy nắng hoặc bong do nhựa latex (mủ đu đủ)). Tổng diện tích bị ảnh hưởng không vượt quá 15% bề mặt sản phẩm;
- Vết nhỏ do sâu bệnh gây ra.

Trong mọi trường hợp các khuyết điểm phải không ảnh hưởng đến chất lượng thịt đu đủ.

6. Kích cỡ

Xác định kích cỡ đu đủ được thực hiện theo Bảng 1.

Bảng 1 - Xác định kích cỡ đu đủ

Loại kích cỡ	Trọng lượng (gram)
A	200-300
B	301-400
C	401-500
D	501-600
E	601-700
F	701-800
G	801-1100
H	1101-1500
I	1501-2000
J	>2001

7. Dung sai

Dung sai đối với chất lượng và kích cỡ sẽ

được chấp nhận trong mỗi gói (hoặc trong mỗi lô đu đủ) đối với đu đủ không đáp ứng được yêu cầu về loại hình chỉ định.

7.1. Dung sai chất lượng

7.1.1 Loại đặc biệt

Đu đủ không đáp ứng yêu cầu của loại đặc biệt song đủ đáp ứng yêu cầu của loại I sẽ có dung sai 5% về số lượng hoặc khối lượng. Yêu cầu không được bao gồm quá 0.5% đu đủ loại II trong dung sai này.

7.1.2 Loại I.

Đu đủ không đáp ứng yêu cầu của loại I song đủ đáp ứng yêu cầu của loại II sẽ có dung sai 10% về số lượng hoặc khối lượng. Yêu cầu không được bao gồm quá 1% đu đủ loại II, đu đủ đạt yêu cầu tối thiểu và đu đủ bị sâu trong dung sai này.

7.1.3 Loại II.

Đu đủ không đạt yêu cầu của loại II và đu đủ không đạt yêu cầu tối thiểu được tổng cộng 10% dung sai về khối lượng hoặc số lượng. Yêu cầu không được bao gồm quá 2% đu đủ bị sâu.

7.2 Dung sai kích thước

Đối với tất cả các loại, dung sai trên/dưới 10% theo số lượng hoặc trọng lượng của đu đủ tương ứng với kích thước trên bao bì. Khối lượng đóng gói nhỏ nhất là 190 gram đu đủ tươi.

8. Các chất gây ô nhiễm

8.1 Kim loại nặng

Đu đủ phải tuân thủ các mức dư lượng tối đa cho các kim loại nặng được thiết lập bởi tiêu chuẩn Codex Stan 193.

8.2 Dư lượng thuốc trừ sâu

Đu đủ phải tuân thủ các giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu tối đa được thiết lập bởi hội đồng tiêu chuẩn Codex.

9. Đảm bảo vệ sinh

9.1 Đu đủ phải được chuẩn bị và xử lý theo CAC/RCP 53.

9.2 Đu đủ không nhiễm ký sinh trùng, vi sinh vật hoặc các chất có nguồn gốc từ chúng với số lượng có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người.

10. Đóng gói

10.1 Đu đủ phải được đóng gói trong vật liệu đóng gói thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn,

hàm lượng dinh dưỡng, chất lượng công nghệ và cảm quan theo CAC/RCP 44 để tránh gây ra bất kỳ thiệt hại bên ngoài hoặc bên trong đối với đu đủ.

10.2 Nội dung của mỗi bao bì phải được đồng nhất và chỉ chứa đu đủ có cùng nguồn gốc, giống hoặc loại hình thương mại, chất lượng và kích cỡ. Phần nhìn thấy được trên bao bì phải đại diện toàn bộ các nội dung.

10.3 Các thùng chứa phải đảm bảo xử lý phù hợp, vận chuyển và lưu giữ được độ tươi của sản phẩm

11. Nhãn mác

11.1 Các yêu cầu ghi nhãn cụ thể sau đây phải được áp dụng rõ ràng và không được tẩy xóa theo quy định của EAS 38

1. Tên sản phẩm "đu đủ tươi";
2. Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu, đóng gói và / hoặc nhà phân phối;
3. Nước xuất xứ;
4. Loại;
5. Kích cỡ (mã kích cỡ được nhận biết hoặc trọng lượng trung bình tính bằng gram);
6. Khối lượng tịnh;



7. Ngày đóng gói.

Lưu ý số lượng trái, nhiệt độ lưu trữ và giống đu đủ cũng có thể được đưa vào ghi nhãn.

11.2 Đối với những lô hàng bán sỉ, mỗi gói hàng phải ghi chi tiết bên dưới bằng chữ trên cùng một mặt có thể đọc được và không thể xóa, có thể nhìn thấy được từ bên ngoài, hay bên trong tài liệu kèm theo lô hàng:

12. Mẫu thử

Lấy mẫu đu đủ tươi sẽ được thực hiện theo ISO 874.



(Ảnh: nguồn internet)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI DANH SÁCH CÁC LOẠI ENZYME THỰC PHẨM ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG ĐỂ KÍCH HOẠT ENZYME ĐÔNG SỮA TỪ *RHIZOMUCOR MIEHEI* CBS 146319 TRONG SỮA CHUA

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Vào ngày 27/9/2021, tại thông báo số G/SPS/N/CAN/1415, Tổng cục Thực phẩm Bộ y tế Canada đưa ra thông báo về việc sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng để kích tác enzyme đông sữa từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319 trong sản xuất sữa chua.



(Ảnh: nguồn internet)

Vừa qua, Tổng cục Thực phẩm Bộ y tế Canada đã nhận được đơn đề trình về phụ gia thực phẩm với nội dung đề xuất cho phép sử dụng enzyme đông sữa từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319 trong sản xuất sữa chua với dư lượng cho phép theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP).

Rhizomucor miehei là một loại nấm được sử dụng trong thương mại để tạo ra enzyme, từ đó sản xuất vi sinh vật *rennet* dùng trong sản xuất phô mai và sữa. Trong điều kiện thử nghiệm, loài này phát triển đặc biệt tốt ở nhiệt độ từ 24 đến 55°C, và sự tăng trưởng của chúng trở nên không đáng kể dưới 21°C hoặc trên 57°C. Enzyme từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319 có thể dùng với vai trò tạo pH môi trường axit, từ đó các tập hợp phân tử bề mặt kết tụ với nhau tạo ra gel đặc của quá trình đông tụ. Enzyme đông sữa *Rhizomucor miehei* từ tự nhiên đã được cấp phép sử dụng tại Canada trong việc sản xuất của các loại phô mai

tiêu chuẩn hóa khác nhau, kem chua, chế tạo hương vị bơ, sữa, protein sữa, rau củ và động vật thủy phân. Enzyme đông sữa từ các nguồn vi sinh vật khác cũng đã được cấp phép sử dụng trong các loại thực phẩm này, tuy nhiên chưa có bất kỳ nguồn enzyme nào được cấp phép cho quy trình sản xuất sữa chua.

Sau quá trình đánh giá chi tiết mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm trước khi ra thị trường đối với enzyme từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319, Tổng cục Thực phẩm Bộ y tế Canada kết luận rằng những thông tin đánh giá về yếu tố gây dị ứng, hóa học, vi sinh, sinh học phân tử, dinh dưỡng, và độc tính đối với enzyme này đạt mức độ an toàn đối với các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó Bộ y tế Canada đã thông qua đề xuất điều chỉnh cho việc sử dụng enzyme đông sữa từ *Rhizomucor miehei* CBS 146319 theo tiêu chuẩn GMP.

Sự điều chỉnh này chính thức có hiệu lực vào ngày 17/9/2021.

TRUNG QUỐC BAN HÀNH TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRONG THỰC PHẨM (GB 2763-2021) ÁP DỤNG TỪ 03/9/2021.

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Bộ Nông nghiệp Nông thôn cùng với Ủy ban Y tế Quốc gia và Tổng cục Quản lý giám sát thị trường nhà nước Trung Quốc đã thống nhất cùng ban hành Tiêu chuẩn mới (GB 2763-2021), Tiêu chuẩn quốc gia về Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm được áp dụng kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2021.

Tiêu chuẩn này quy định 10092 mức giới hạn dư lượng tối đa đối với 564 loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục 376 thực phẩm, đây là tiêu chuẩn hoàn thành mục tiêu đạt 10.000 mức giới hạn về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật mà Quốc Vụ viện Trung Quốc phê duyệt trong kế hoạch đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của nước này.

Tiêu chuẩn bản mới có các đặc điểm chính sau:

Gia tăng đáng kể về chủng loại và số lượng hạn chế sử dụng của thuốc bảo vệ thực vật. So với bản tiêu chuẩn GB2763-2019, số lượng loại thuốc bảo vệ thực vật trong tiêu chuẩn mới tăng 81 loại, tăng 16,7%; giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tăng 2985 loại, tăng 42%; loại thuốc và số lượng mức giới hạn thuốc bảo vệ thực vật đạt gần gấp hai so với tiêu chuẩn liên quan của tiêu chuẩn quốc tế Codex Alimentarius Commission (CAC), bao quát toàn diện về các loại thuốc bảo vệ thực vật được chấp thuận sử dụng ở các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật chính của nước này.

Tiêu chuẩn này là hiện thân của "bốn yêu cầu nghiêm ngặt nhất". Thiết lập 792 mức giới hạn cho 29 loại thuốc trừ sâu bị cấm và 345 mức giới hạn cho 20 loại thuốc trừ sâu bị hạn chế sử dụng; 5766 mức giới hạn dư lượng đã được xây dựng và sửa đổi chiếm 57,1% tổng số lượng mức giới hạn đặt ra cho các sản phẩm nông sản tươi như rau và trái cây được xã hội quan tâm cao. Để tăng cường giám sát các sản phẩm nông sản nhập khẩu, tiêu chuẩn này cũng đã thiết lập được 1742 giới hạn

dư lượng cho 87 loại thuốc bảo vệ thực vật chưa được đăng ký sử dụng ở Trung Quốc.

Được đánh giá là xây dựng trên cơ sở khoa học, nghiêm ngặt hơn và phù hợp hơn với tiêu chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn này dựa trên dữ liệu về kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đã đăng ký, giám sát thị trường, chế độ ăn uống của người dân, độc tính thuốc bảo vệ thực vật và các dữ liệu khác của Trung Quốc. Đánh giá rủi ro được thực hiện theo thông lệ CAC chung, và được trưng cầu ý kiến của các chuyên gia, công chúng, các ban ngành, tổ chức và các bên liên quan khác một cách rộng rãi, đồng thời được các thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới chấp nhận thông qua. Các nguyên tắc, phương pháp, dữ liệu và các yêu cầu đánh giá rủi ro đã được thông qua phù hợp với CAC và các nước phát triển.

Đẩy nhanh việc hoàn thiện tiêu chuẩn, phương pháp kiểm tra giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Lần này ba cơ quan cấp Bộ cũng đồng thời ban hành bốn tiêu chuẩn phương pháp kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật gồm: Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm Quốc gia xác định 331 thuốc bảo vệ thực vật và mức giới hạn dư lượng chất chuyển hóa của chúng trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật bằng phương pháp sắc ký lỏng - khối phổ, đã đem lại hiệu quả giải quyết một phần các tiêu chuẩn "có giới hạn, không phương pháp" trong tiêu chuẩn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.



(Ảnh: nguồn internet)

ĐỀ XUẤT CỦA BỘ Y TẾ CANADA CHO PHÉP SỬ DỤNG CHẤT *GLYCOLIPID* CHUỖI DÀI TỪ *DACRYOPINAX* *SPATHULARIA MUCL 53181* LÀM CHẤT BẢO QUẢN TRONG NHIỀU LOẠI ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 29/1/2021, tại thông báo số G/SPS/N/CAN/1416, Bộ y tế Canada đưa ra đề xuất về quy định an toàn vệ sinh thực phẩm tới các nước đối tác thương mại về việc cho phép sử dụng *Glycolipid* chuỗi dài từ *Dacryopinax spathularia MUCL 53181* làm chất bảo quản trong nhiều loại đồ uống không cồn.



(Ảnh: nguồn internet)

Tổng cục Thực phẩm Bộ y tế Canada đã nhận được đơn đệ trình về phụ gia thực phẩm đề xuất cho phép sử dụng *glycolipids* chuỗi dài từ *Dacryopinax spathularia MUCL 53181* làm chất bảo quản trong nhiều loại đồ uống không cồn với mức sử dụng tối đa được yêu cầu dao động từ 25 phần triệu (ppm) đến 100 ppm trong đồ uống thành phẩm. Bên đề đơn cho biết rằng *glycolipids* chuỗi dài từ *Dacryopinax spathularia MUCL 53181* có thể được sử dụng thay thế hoặc bổ sung cho các kỹ thuật bảo quản đồ uống khác như xử lý nhiệt hoặc thay thế cho chất bảo quản hiện được cấp phép trong đồ uống.

Glycolipids chuỗi dài từ *D. spathularia MUCL 53181* là hỗn hợp của các chuỗi *glycolipids* dài được thu thập bởi quá trình lên men tinh khiết của nấm ăn *Dacryopinax spathularia* (Schwein) G.W. Martin MUCL 53181 thuộc sở hữu của viện *Basidiomycota*. *Glycolipids* được xác định là không gây dị ứng thực phẩm cũng như không có báo cáo nào về phản ứng dị ứng với sinh vật gốc được ghi nhận sau quá trình dài sử dụng trong thực phẩm.

Glycolipid chuỗi dài từ *D. spathularia MUCL 53181* không bị nhiễm độc gen, gây đột biến hoặc đông máu. Việc đưa chất phụ gia này vào sử dụng làm chất bảo quản như được đề xuất không cho thấy bất kỳ mối lo ngại nào về an toàn hoá học, vi sinh học, dinh dưỡng hay độc tố.

Sau quá trình đánh giá chi tiết về độ an toàn trước khi ra thị trường của *glycolipid* chuỗi dài từ *Dacryopinax spathularia MUCL 53181*, Tổng cục kết luận rằng với những thông tin về chất phụ gia này đảm bảo tính an toàn và hiệu quả cho các mục đích sử dụng được yêu cầu như tác nhân kháng khuẩn và kháng nấm (chống co giật). Do đó, Bộ Y tế Canada dự định cho phép sử dụng *glycolipid* chuỗi dài từ *D. spathularia MUCL 53181* với thiết lập mức tiêu thụ hàng ngày chấp nhận được (ADI) là 2,5 mg/kg bw.

Đề xuất chính thức có hiệu lực sau khi Danh sách các chất bảo quản được cấp phép được chỉnh sửa. Thông báo chính thức sẽ được đăng tải trên trang web của chính phủ Canada.

Chi tiết các chỉnh sửa được đề xuất:

Đối với mục 2:

STT	Chất phụ gia	Được cấp phép trong hoặc dựa trên	Dư lượng tối đa và các điều kiện khác
1	Glycolipids chuỗi dài từ <i>Dacryopinax spathularia</i> MUCL 53181	- Nước tăng lực chứa caffeine. - Đồ uống thể thao. - Các loại trà lên men không được tiêu chuẩn hóa. - Các loại trà được tiêu chuẩn hóa.	50 ppm
		- Nước trái cây cô đặc ngoại trừ nước cam cô đặc. - Nước hoa quả. - Nước rau củ không được tiêu chuẩn hóa.	100 ppm trong trái cây được tiêu thụ
		- Nước uống không có ga vị ngọt được bổ sung vitamin và khoáng chất. - Đồ uống có ga không cồn không được tiêu chuẩn hóa. - Đồ uống có ga không cồn cô đặc không được tiêu chuẩn hóa.	25 ppm trong đồ uống được tiêu thụ
		- Nước trái cây không được tiêu chuẩn hóa - Nước rau củ và trái cây không được tiêu chuẩn hóa - Nước rau củ không được tiêu chuẩn hóa - Nước uống không có cồn không có ga không được tiêu chuẩn hóa - Nước uống không có cồn không có ga cô đặc hoặc trộn lẫn không được tiêu chuẩn hóa	80 ppm trong đồ uống được tiêu thụ



(Ảnh: nguồn internet)

Đối với mục 3:

STT	Chất phụ gia	Được cấp phép trong hoặc dựa trên	Dư lượng tối đa và các điều kiện khác
1	<i>Glycolipids</i> chuỗi dài từ <i>Dacryopinax</i> <i>spathularia</i> MUCL 53181	Nước rau củ không được tiêu chuẩn hóa	100 ppm

**LIÊN MINH CHÂU ÂU CHO PHÉP SỬ DỤNG NHỰA DẦU MỎI GIÀU
ASTAXANTHIN CHIẾT XUẤT TỪ TẢO HAEMATOCOCCUS PLUVIALIS
LÀM CHẤT BỔ SUNG THỰC PHẨM CHO NGƯỜI DÂN TRÊN 14 TUỔI.**

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Ủy Ban thực hiện Quy định (EU) 2021/1377 cho phép thay đổi điều kiện sử dụng loại thực phẩm nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis algae* theo Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu kèm theo sửa đổi của Ủy Ban thực hiện Quy định (EU) 2017/2470.

Thực phẩm nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis algae* đã được cấp phép đưa vào sử dụng như thực phẩm bổ sung cho người dân căn cứ theo khoản 5 của Quy định (EC) số 258/97 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu. Mức dư lượng tối đa hiện nay của loại thực phẩm nhựa dầu mới này được cho phép là 40-80 mg *oleoresin*/ngày, tương đương dưới 8 mg *astaxanthin*/ngày. Ủy ban thành lập danh sách này dựa theo 2 tiêu chí sau:

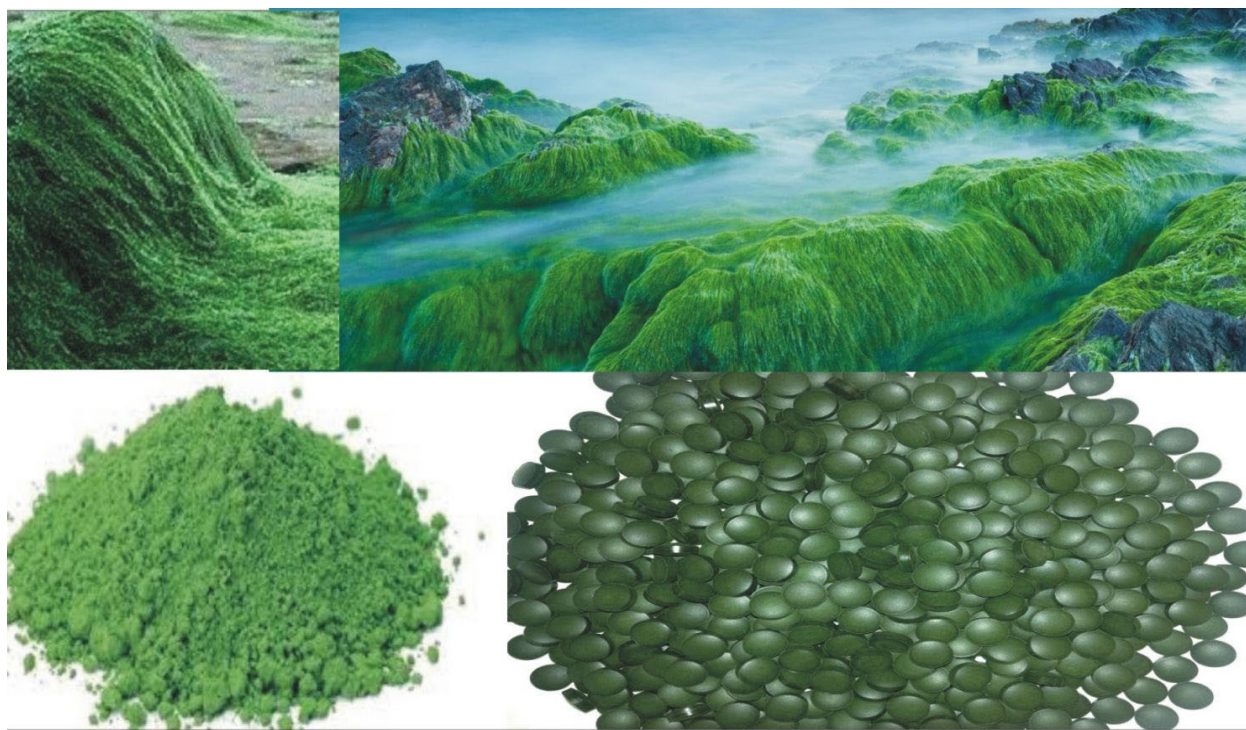
- Việc sử dụng *astaxanthin* làm thức ăn bổ sung theo Quy định (EC) số 1831/2003 thiết lập

lượng ăn vào hàng ngày được chấp nhận (ADI) là 0,034 mg/kg trọng lượng cơ thể.

- Việc sử dụng *astaxanthin* như một thành phần thức ăn mới với liều lượng ăn tối đa cho phép lên tới 8 mg/ngày là an toàn, tuy nhiên liều lượng này có thể vượt quá ADI dẫn tới không phù hợp với điều kiện cho phép tại khoản 7 của quy chế (EU) 2015/2283.

Do đó, Ủy ban đã cân nhắc việc sửa đổi danh sách của Liên minh về liều lượng *astaxanthin* theo ý kiến của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA)

Ủy ban cũng quan tâm tới bằng chứng khoa học được đưa ra trong quá trình trưng cầu dân ý về dự thảo Triển khai Quy định thành lập danh sách thức ăn mới được cấp phép, chỉ ra rằng liều lượng ADI cho *astaxanthin* cao hơn đáng kể so với mức đưa ra bởi Cơ quan



(Ảnh: nguồn internet)

Ngày 27/2/2018, Ủy ban yêu cầu Cơ quan đưa ra ý kiến về độ an toàn của *astaxanthin* khi được dùng làm thực phẩm mới trong bổ sung thực phẩm với dư lượng tối đa lên tới 8 mg/ngày, tính tổng lượng *astaxanthin* tích lũy từ tất cả các nguồn thực phẩm.

Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu đã kết luận rằng dựa theo bằng chứng khoa học mới, ADI cho *astaxanthin* đối đa lên tới 8 mg/ngày từ thực phẩm nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis algae* là đảm bảo an toàn cho người trên 14 tuổi. Cần chỉ định rõ ràng về thực phẩm mới này và yêu cầu nhãn mác đối với thực phẩm nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis algae* để đảm bảo người dưới 14 tuổi không tiêu thụ sản phẩm này.

Do đó Phụ lục của thực hiện Quy định (EU) 2017/2470 cần được sửa đổi phù hợp.

Trên thực tế các thực phẩm bổ sung chứa dưới 8 mg *astaxanthin* không được cho trẻ em và trẻ vị thành niên sử dụng mà hầu như chỉ cho phép người lớn sử dụng. Bởi vậy để hạn chế

gánh nặng hành chính và cung cấp đủ thời gian cho các nhà kinh doanh điều chỉnh các thông lệ của mình cho phù hợp với yêu cầu của quy định này, thời gian chuyển đổi cần được thiết lập linh hoạt để hỗ trợ các thực phẩm đã được đưa ra thị trường hoặc đã được phân phối từ các nước thứ ba cho Liên minh và người dân, trước ngày bắt đầu có hiệu lực của quy định này. Các biện pháp chuyển đổi này phải chú ý đến sự an toàn của người tiêu dùng bằng cách cung cấp cho họ thông tin về cách sử dụng phù hợp đối với các yêu cầu của quy định này.

Qua đó một số nội dung cần được chú ý trong thông báo này bao gồm:

- Sửa đổi cụ thể nội dung để cập tới thực phẩm nhựa dầu mới giàu *astaxanthin* chiết xuất từ tảo *Haematococcus pluvialis algae* trong khoản 6 của Quy định (EU) 2015/2283 và Thực hiện Quy định (EU) 2017/2470.

Thực phẩm bổ sung chứa dưới 0.8 mg *astaxanthin* được bán hợp pháp trên thị trường trước ngày Quy định mới có hiệu lực vẫn được lưu thông cho tới hết hạn sử dụng.

EU THÔNG BÁO BỔ SUNG 3-(1-((3, 5-DIMETHYLISOXAZOL-4-YL) METHYL)-1H-PYRAZOL-4-YL) - 1-(3-HYDROXYBENZYL) IMIDAZOLIDINE-2, 4-DIONE VÀO DANH SÁCH CÁC CHẤT TẠO HƯƠNG VỊ CỦA LIÊN MINH.

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 30/9/2021, EU đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/490/Add.1 tiếp theo thông báo số G/SPS/N/EU/490 ngày 21/5/2021 với nội dung về việc bổ sung các chất 3-(1-((3, 5-dimethylisoxazol-4-yl) methyl)-1H-pyrazol-4-yl) - 1-(3-hydroxybenzyl) imidazolidine-2, 4-dione vào danh sách các chất tạo hương vị của Liên minh.



(Ảnh: nguồn internet)



(Ảnh: nguồn internet)

Danh sách các nguồn nguyên liệu, chất tạo hương vị được cấp phép sử dụng trong hoặc trên thực phẩm cùng với điều kiện sử dụng đã được chỉ định tại Phụ lục I trong Quy định (EC) số 1334/2008. Theo phương thức vận hành chung được quy định ở khoản 3(1) của Quy định (EC) số 1331/2008 danh sách này có thể được đề nghị cập nhật bởi Ủy ban, các thành viên hoặc các bên liên quan.

Ngày 10/8/2012, đơn đệ trình được gửi lên Ủy ban về việc cấp phép sử dụng đối với các chất 3-(1-((3,5-dimethylisoxazol-4-yl)methyl)-1H-pyrazol-4-yl)-1-(3-hydroxybenzyl)imidazolidine-2,4-dione (chất tạo hương vị số 16.127) làm chất tạo vị nằm trong danh sách được cấp phép của Liên minh. Ủy ban thông báo về nội dung đề xuất tới Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (gọi tắt là Cơ quan) và các thành viên cùng với yêu cầu cho ý kiến từ các bên đối với vấn đề này.

Sau khi đánh giá về mức độ an toàn của chất tạo hương vị số 16.127 cho thấy với điều kiện sử dụng cụ thể, những chất này không gây bất kỳ mối nguy hại nào cũng như không ảnh hưởng tới sức khỏe của người tiêu dùng, việc cấp phép sử dụng được cho là phù hợp theo ý kiến của Cơ quan.

Qua đó quy định mới đã được thông qua và trở thành Quy định của Ủy ban châu Âu sửa đổi phụ lục I của quy định (EC) số 1334/2008 liên quan đến việc bổ sung 3-(1-((3,5-dimethylisoxazol-4-yl)methyl)-1H-pyrazol-4-yl)-1-(3-hydroxybenzyl)imidazolidine-2,4-dione vào danh sách chất tạo hương vị của Liên minh.

Quy định này áp dụng cho tất cả thành viên thuộc liên minh kể từ ngày 10/10/2021

CẢNH BÁO CỦA EU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM DO VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG THÁNG 9 NĂM 2021

TS. Ngô Xuân Nam
Văn phòng SPS Việt Nam

Trong tháng 9 năm 2021, Văn phòng SPS Việt Nam đã nhận được 02 cảnh báo về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của Liên minh châu Âu đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm

Cụ thể như sau:

1. Cảnh báo số 2021.4784 ngày 02/9/2021

Sản phẩm: Đùi ếch đông lạnh;

Biện pháp thực hiện: Phá thu hồi sản phẩm trên thị trường; Thụ ý tiêu hủy sản phẩm;

Lô hàng số: G2100406 đóng gói bởi Maison GrandJean tương ứng với lô hàng số MP00755 của nhà cung cấp (SABAROT);

Khối lượng: không xác định;

Mối nguy: do chứa chất cấm *nitrofurans* (*furazolidone*) mức dư lượng: 17 µg/kg - ppb;

Mức độ rủi ro: Nghiêm trọng.

2. Cảnh báo số 2021.4761 ngày 06/9/2021

Sản phẩm: Bưởi;

Biện pháp thực hiện: Na Uy thu hồi sản phẩm trên thị trường;

Lô hàng số: 32/1;

Khối lượng: 7,1 kg;

Mối nguy: Do chứa chất cấm propargite 0,23 ppm và fenobucarb 0,032 ppm, mức dư lượng cho phép theo Chỉ thị số 91/414/EEC cho 2 chất trên ở mức 0,01 ppm;

Mức độ rủi ro: Không xác định.

Thông tin về các hoạt chất trên như sau:



(Ảnh: nguồn internet)

Nitrofurans là một nhóm thuốc thường được sử dụng làm thuốc kháng sinh hoặc thuốc kháng vi sinh vật, thành phần cấu trúc xác định là một vòng furan với nhóm nitro. Theo quy định của EU số 37/2010 ngày 22/12/2009 hoạt chất Nitrofurans (bao gồm furazolidone) là chất cấm không được phép sử dụng, có mức dư lượng tối đa (MRLs) bằng không.

Propargite là thuốc trừ sâu thường được sử dụng để trừ nhện, theo Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp phép trên 10 thương phẩm. Theo quy định của EU số 2018/832 ngày 05/6/2018 ở mức dư lượng (MRLs) từ 0,01- 4 ppm tùy theo từng loại sản phẩm, riêng đối với cam quy định ở mức cao nhất 4 ppm.

Fenobucarb là thuốc trừ sâu thường được sử dụng để diệt rầy nâu, sâu cuốn lá, đục thân..., theo Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp phép trên 60 thương phẩm. Theo quy định của chỉ thị số 91/414/EEC mức dư lượng tối đa trên sản phẩm này là 0,01 ppm.

Cũng trong tháng 9/2021 trên hệ thống Cảnh báo An toàn Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi của Liên minh Châu Âu (**RASFF**) có tổng số 386 cảnh báo đối với lô hàng của các quốc gia nhập khẩu hoặc lưu thông trên thị trường EU vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, trong đó các vi phạm về ô nhiễm vi sinh vật: 84; mức dư lượng thuốc BVTV: 72, độc tố nấm mốc: 30, dư lượng thuốc thú y: 5 và những vi phạm khác.

Vì vậy, các doanh nghiệp cần lưu ý tuân thủ nghiêm túc các quy định của thị trường nhập khẩu, đảm bảo không bị cảnh báo vi phạm, tránh ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

Đối với các sản phẩm thủy sản cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về chất lượng thức ăn chăn nuôi trong nuôi trồng thủy sản và kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, chế biến;

Đối với các sản phẩm trái cây cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về hoá chất bảo vệ thực vật, kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, đóng gói...

THÔNG BÁO VỀ MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN VÀ THỦY SẢN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SANG LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) BỊ THU HỒI HOẶC CẢNH BÁO

ThS. Đinh Đức Hiệp
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 18/10/2021, Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được 02 Công văn của Bộ Công Thương về việc nông sản và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam có mức dư lượng hóa chất nông nghiệp vượt quá mức quy định của Liên minh châu Âu (EU)

1. Công văn số 6195/BCT-AM ngày 06/10/2021 về việc thu hồi 01 lô gạo thơm giống ST25 hiệu Nữ hoàng tại Bỉ, nội dung chính như sau:

Sau khi xuất khẩu lô hàng gạo thơm cao cấp ST12 nhãn hiệu Nữ hoàng vào Bỉ, Doanh nghiệp nhập khẩu là Vinamex Group đã tự tiến hành kiểm tra chất lượng lô gạo theo tham vấn của Cơ quan liên bang về an toàn chuỗi thực

phẩm của Bỉ (FASFC). Kết quả kiểm tra cho thấy lô hàng có mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tricyclazole là 0,017 mg/kg, theo quy định của EU mức dư lượng tối đa cho phép là 0,01 mg/kg. Do vậy, Vinamex Group đã chủ động đăng thông báo thu hồi và yêu cầu khách hàng không tiêu thụ lô sản phẩm này và chuyển về kho để được hoàn tiền.

Với kinh nghiệm xuất khẩu gạo hữu cơ trước đây và hiểu biết về những quy định khắt khe của EU, Vinamex Group đã tự kiểm tra chất lượng lô gạo này hết sức nghiêm túc. Trước khi xuất khẩu lô hàng này vào Bỉ, Vinamex Group đã tiến hành kiểm tra tại Việt Nam và xác nhận sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của EU. Tuy nhiên, khi lô hàng được nhập khẩu vào thị trường Bỉ, Vinamex Group tự tiến hành kiểm tra chất lượng lô hàng lần nữa thì phát hiện hàm lượng chất tricyclazole vượt quá ngưỡng cho phép của EU.

Việc thu hồi sản phẩm của Vinamex Group xuất phát từ việc chủ động kiểm tra, kiểm soát sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, thông tin thu hồi sản phẩm **do nhà nhập khẩu chủ động đăng trên trang của FASFC của Bỉ**, sản phẩm này chưa bị đưa vào diện cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của Ủy ban châu Âu (RASFF).

Trước đây, EU cho phép mức dư lượng chất tricyclazole tối đa trong gạo nhập khẩu là 1 mg/kg. Kể từ tháng 01/2018, EU đã hạ mức dư lượng tricyclazole tối đa cho phép trong gạo nhập khẩu xuống ngưỡng 0,01 mg/kg. Sau khi áp dụng ngưỡng dư lượng mới, hệ thống RASFF đã đưa ra khoảng 10 cảnh báo đối với sản phẩm gạo từ nhiều quốc gia như Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Pakistan...

2. Công văn số 6353/BCT-AM ngày 12/10/2021 về việc cảnh báo dư lượng các chất có hại trong một số nông sản, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU, nội dung chính sau:

a) Cơ quan y tế Hà Lan phát hiện hóa chất chlorpyrifos ethyl trong lô hàng mướp đắng của Công ty TNHH SAKA SAKA xuất khẩu sang thị trường EU;

b) Cơ quan y tế Italia phát hiện chất sulphite không khai báo đối với lô hàng động vật giáp xác và hải sản xuất khẩu của Công ty TNHH chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu (số giấy phép DL154);

c) Cơ quan y tế Tây Ban Nha phát hiện chất cấm Profenofos (ngoài chất chlorpyrifos ethyl) cũng của Công ty TNHH SAKA SAKA;

d) Cơ quan y tế Na Uy và Pháp phát hiện các chất nitrofurans (furazolidone) trong lô hàng đùi ếch đông lạnh và chất propargite, fenobucarb trong lô hàng bưởi nhập khẩu từ Việt Nam (*Hai lô hàng này đã được cảnh báo theo văn bản số 211/SPS-BNNVN ngày 13/10/2021 của Văn phòng SPS Việt Nam từ hệ thống cảnh báo RASFF*).

Cũng theo thông báo của Bộ Công Thương, Bộ Y tế Tây Ban Nha, các cơ quan hữu quan tại các cửa khẩu EU đều đã được thông báo và sẽ nâng cao các biện pháp kiểm dịch đối với các dòng hàng hóa liên quan nhập khẩu từ Việt Nam.

Cũng trong tháng 9/2021 trên hệ thống Cảnh báo An toàn Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi của Liên minh Châu Âu (**RASFF**) có tổng số 386 cảnh báo đối với lô hàng của các quốc gia nhập khẩu hoặc lưu thông trên thị trường EU vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, trong đó các vi phạm về ô nhiễm vi sinh vật: 84; mức dư lượng thuốc BVTV: 72, độc tố nấm mốc: 30, dư lượng thuốc thú y: 5 và những vi phạm khác.

Vì vậy, các đơn vị cần lưu ý nắm chắc và tuân thủ nghiêm túc các quy định của thị trường nhập khẩu, đảm bảo không bị thu hồi, cảnh báo vi phạm, tránh ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

Đối với các sản phẩm thủy sản cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về chất lượng thức ăn chăn nuôi trong nuôi trồng thủy sản và kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, chế biến;

Đối với các sản phẩm gạo, rau quả, trái cây cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về hoá chất bảo vệ thực vật, kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, đóng gói; tăng cường truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng...

DANH SÁCH CÁC THÔNG BÁO VỀ DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TRONG THÁNG 9 NĂM 2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/EU/504	Liên minh châu Âu	01/9/2021	Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1409 ngày 27 tháng 8 năm 2021 liên quan đến việc cấp phép chất <i>phytomenadione</i> làm phụ gia thức ăn cho ngựa
2	G/SPS/N/BRA/1965	Brazil	01/9/2021	Pháp lệnh (Portaria) số 385 ngày 25 tháng 8 năm 2021 Quy định các biện pháp kiểm dịch thực vật thực hiện trong quá trình quá cảnh quốc tế đối với rau, các bộ phận của rau, các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và các mặt hàng được quản lý cùng các biện pháp khác
3	G/SPS/N/JPN/873	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
4	G/SPS/N/JPN/872	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
5	G/SPS/N/JPN/871	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).

6	G/SPS/N/JPN/870	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
7	G/SPS/N/JPN/869	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
8	G/SPS/N/JPN/868	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
9	G/SPS/N/JPN/867	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
10	G/SPS/N/JPN/866	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
11	G/SPS/N/JPN/865	Nhật Bản	02/9/2021	Sửa đổi về thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật An toàn thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
12	G/SPS/N/EU/505	Liên minh châu Âu	02/9/2021	Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1425 ngày 31 tháng 8 năm 2021 liên quan đến việc cấp phép cho chất <i>Chelate manganese</i> của <i>Lysine</i> và <i>Axit Glutamic</i> làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật

13	G/SPS/N/ CRI/239	Costa Rica	02/9/2021	Nghị quyết số SENASA-DC-A-R0029-2021 ban hành lệnh tạm ngừng nhập cảnh đối với các sản phẩm và phụ phẩm có nguồn gốc từ lợn (thịt lợn) đi kèm với hành lý xách tay và hàng hóa được khai báo trong hành lý của hành khách trong nước hoặc nước ngoài nhập cảnh tạm thời hoặc lâu dài vào lãnh thổ Costa Rica thông qua các sân bay, cảng biển - sông hoặc các điểm nhập cảnh tại biên giới từ bất kỳ quốc gia nhằm phòng ngừa và để ngăn chặn sự xâm nhập của vi rút gây bệnh dịch tả lợn châu Phi vào Costa Rica.
14	G/SPS/N/ THA/436	Thái Lan	06/9/2021	Sắc lệnh của DLD về việc tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa và lợn rừng và thịt của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh dịch tả lợn châu Phi
15	G/SPS/N/ AUS/527	Úc	06/9/2021	Tư vấn về an toàn sinh học động vật 2021-A04 - Dự thảo đánh giá quy định về việc xử lý nhiệt như một biện pháp quản lý rủi ro đối với cá và các sản phẩm từ cá để sử dụng làm thức ăn cho vật nuôi trong nhà và thức ăn cho gia súc
16	G/SPS/N/ UGA/172	Uganda	08/9/2021	DEAS 332: 2021; Đặc điểm kỹ thuật: Ớt tươi - Phiên bản thứ hai
17	G/SPS/N/ UGA/171	Uganda	08/9/2021	DEAS 47: 2021; Đặc điểm kỹ thuật: Đu đủ tươi - Phiên bản thứ hai
18	G/SPS/N/ UGA/170	Uganda	08/9/2021	DEAS 56: 2021; Đặc điểm kỹ thuật: Nấm tươi - Phiên bản thứ hai
19	G/SPS/N/ UGA/169	Uganda	08/9/2021	DEAS 330: 202; Đặc điểm kỹ thuật Trái cây họ cam quýt - Phiên bản thứ hai.
20	G/SPS/N/ TPKM/553/ Rev.1	Đài Loan	08/9/2021	Dự thảo Quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn lô hội như một thành phần thực phẩm
21	G/SPS/N/ USA/3272	Hoa Kỳ	13/9/2021	Ghi nhãn sản phẩm thịt hoặc gia cầm có hoặc chứa tế bào động vật nuôi cấy.
22	G/SPS/N/ USA/3271	Hoa Kỳ	13/9/2021	Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật <i>acequinocyl</i> ; Quy tắc cuối cùng.

	G/SPS/N/ UKR/155/ Add.1	Ukraine	13/9/2021	Dự thảo lệnh của Bộ Y tế Ukraine, về việc phê duyệt sửa đổi các chỉ tiêu an toàn thực phẩm "Giới hạn dư lượng tối đa hoạt chất thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật"
23	G/SPS/N/ PER/948	Peru	13/9/2021	Peru cấm nhập khẩu hàng hóa có nguồn gốc từ lợn vào Peru.
24	G/SPS/N/ NZL/657	Niu Di-lân	13/9/2021	Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu vườn ươm
25	G/SPS/N/ NZL/656	Niu Di-lân	13/9/2021	Dự thảo tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Chó, mèo
26	G/SPS/N/ IND/266	Ấn Độ	13/9/2021	Dự thảo Quy định sửa đổi về Tiêu chuẩn và An toàn thực phẩm (Quảng cáo và tuyên bố), 2021
27	G/SPS/N/ GBR/11	Anh	13/9/2021	PH/036 Biện pháp phòng ngừa dịch hại
28	G/SPS/N/ CAN/1396/ Add.1	Canada	13/9/2021	Quy định về thức ăn chăn nuôi, 2022
29	G/SPS/N/ BRA/1966	Brazil	13/9/2021	Dự thảo các yêu cầu vệ sinh của Brazil đối với việc nhập khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống hoặc các sản phẩm của chúng từ tất cả các đối tác thương mại
30	G/SPS/N/ AUS/528	Úc	13/9/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc, Niu Di-lân sửa đổi (ngày 07/9/2021)
31	G/SPS/N/ USA/3274	Hoa Kỳ	14/9/2021	Công ty TNHH Monaghan Mushrooms Ireland; Nộp đơn kiến nghị về phụ gia thực phẩm
32	G/SPS/N/ USA/3273	Hoa Kỳ	14/9/2021	Kiến nghị về phụ gia màu của Fermentalg
33	G/SPS/N/ TUR/119/ Add.1	Thổ Nhĩ Kỳ	14/9/2021	Cập nhật các biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp đối với việc nhập khẩu cà chua, hạt tiêu và hạt bí ngô
34	G/SPS/N/ UGA/173	Uganda	15/9/2021	DEAS 286-1: 2021, Phần 1: Đặc điểm kỹ thuật cành hoa, lá tươi. Bản sửa đổi thứ hai
35	G/SPS/N/ TPKM/574	Đài Loan	15/9/2021	Dự thảo sửa đổi các tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm

36	G/SPS/N/TPKM/573	Đài Loan	15/9/2021	Dự thảo quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với Protein <i>Ganoderma microsporum</i> Globulin-like cô đặc được sản xuất bởi nấm <i>Pichia pastoris</i> Ey72 đã được biến đổi gen như một thành phần thực phẩm
37	G/SPS/N/TZA/150	Cộng hòa Thống nhất Tan-za-ni-a	16/9/2021	DEAS 47: 2021 Đu đủ tươi (pawpaw), đặc điểm kỹ thuật
38	G/SPS/N/TZA/149	Cộng hòa Thống nhất Tan-za-ni-a	16/9/2021	DEAS 56: 2021 Nấm tươi, đặc điểm kỹ thuật
39	G/SPS/N/TZA/148	Cộng hòa Thống nhất Tan-za-ni-a	16/9/2021	DEAS 330: 2021 Trái cây có múi - Đặc điểm kỹ thuật
40	G/SPS/N/TZA/147	Cộng hòa Thống nhất Tan-za-ni-a	16/9/2021	DEAS 332: 2021 Ớt tươi, Đặc điểm kỹ thuật
41	G/SPS/N/EU/506	Liên minh châu Âu	16/9/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1471 ngày 18/8 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2020/2235 và 2020/2236 liên quan đến các biện pháp quốc gia được xây dựng để hạn chế tác động của một số bệnh đối với động vật thủy sản và danh sách các nước thứ ba, vùng lãnh thổ hoặc các khu vực được phép nhập cảnh động vật và hàng hóa vào Liên minh
42	G/SPS/N/NZL/658	Niu Di-lân	20/9/2021	Thịt và các sản phẩm từ thịt động vật nhai lại HIS (RUMNPROD.GEN)
43	G/SPS/N/IND/268	Ấn Độ	20/9/2021	Dự thảo Nghị quyết về các tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Đồ ăn chay), 2021.
44	G/SPS/N/IND/267	Ấn Độ	20/9/2021	Dự thảo bổ sung nghị quyết các tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (thức ăn đóng gói), 2021
45	G/SPS/N/EGY/124	Ai Cập	20/9/2021	Nghị định của bộ trưởng số 222/2021.

46	G/SPS/N/ NOR/39	Na Uy	21/9/2021	Dự thảo bổ sung số 16 vào tháng 3 năm 2021 của quy định liên quan tới thực vật và biện pháp chống côn trùng gây hại
47	G/SPS/N/ GBR/12	Vương Quốc Anh	21/9/2021	Yêu cầu thông báo trước đối với hàng hóa được nêu chi tiết tại Điều 73 của Quy định bảo vệ thực vật, được nêu trước đó từ quy định của EU 2016/20310
48	G/SPS/N/ EU/507	Liên minh châu Âu	21/9/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1688 ngày 20 tháng 9 năm 2021 sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2020/1201 liên quan đến danh sách các loài thực vật ký chủ, các loài thực vật cụ thể và các xét nghiệm để xác định vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i>
49	G/SPS/N/ KOR/737	Hàn Quốc	23/9/2021	Đề xuất sửa đổi "Quy tắc thực thi của Đạo luật kiểm soát dịch bệnh thủy sinh".
50	G/SPS/N/ EU/508	Liên minh châu Âu	23/9/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1377 cho phép thay đổi các điều kiện sử dụng thực phẩm mới nhựa dầu giàu <i>astaxanthin</i> từ tảo (alga) <i>Haematococcus pluvialis</i> theo Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và của Hội đồng châu Âu và sửa đổi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2017/2470
51	G/SPS/N/ USA/3280	Hoa Kỳ	27/9/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật <i>fluazinam</i> ; Quy tắc cuối cùng.
52	G/SPS/N/ USA/3279	Hoa Kỳ	27/9/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật <i>pyraclostrobin</i> ; Quy tắc cuối cùng
53	G/SPS/N/ THA/446	Thái Lan	27/9/2021	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), số... B.E. (...) được ban hành theo Đạo luật thực phẩm B.E. 2522 có tiêu đề "Sửa đổi thông báo của Bộ Y tế Công cộng (số 424) B.E 2564 (2021) V/v: Thực phẩm bị cấm sản xuất, nhập khẩu hoặc buôn bán theo quy định"

54	G/SPS/N/EU/509	Liên minh châu Âu	27/9/2021	Ủy ban châu Âu sửa đổi Quy định ủy quyền (EU) 2019/625 liên quan đến danh pháp kết hợp và mã hệ thống hài hòa, điều kiện nhập khẩu của một số sản phẩm hỗn hợp nhất định, sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2019/2122 liên quan đến một số loài chim cảnh được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2021/630 liên quan đến các yêu cầu đối với các sản phẩm hỗn hợp được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới.
55	G/SPS/N/CAN/1415	Canada	27/9/2021	Thông cáo về việc sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng để kích hoạt enzyme đông sữa từ <i>Rhizomucor miehei</i> CBS 146319 trong sữa chua.
56	G/SPS/N/USA/3282	Hoa Kỳ	28/9/2021	Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật <i>metalaxyl</i> ; Quy tắc cuối cùng
57	G/SPS/N/USA/3281	Hoa Kỳ	28/9/2021	Biên nhận một số đơn được nộp liên quan đến tồn dư của hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật có trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn kiến nghị và yêu cầu góp ý
58	G/SPS/N/USA/3242/Corr.1	Hoa Kỳ	28/9/2021	Giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật <i>spinetoram</i> ; Quy tắc cuối cùng
59	G/SPS/N/NZL/659	Niu Di-lân	28/9/2021	Đề xuất sửa đổi về mức dư lượng tối đa mức dư lượng cho các hợp chất nông nghiệp.
60	G/SPS/N/CAN/1416	Canada	29/9/2021	Đề xuất của Bộ Y tế Canada cho phép sử dụng <i>glycolipid</i> chuỗi dài từ <i>Dacryopinax spathularia</i> MUCL 53181 làm chất bảo quản trong nhiều loại đồ uống không cồn.

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/EU/414/Add.1	Liên minh châu Âu	01/9/2021	Các yêu cầu vệ sinh cụ thể về an toàn đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật
2	G/SPS/N/EU/480/Add.1	Liên minh châu Âu	07/9/2021	Mức tối đa của độc tố <i>tropen alkaloid</i> trong một số loại thực phẩm nhất định
3	G/SPS/N/EU/479/Add.1	Liên minh châu Âu	07/9/2021	Mức độ tối đa của độc tố <i>ergot sclerotia</i> và <i>ergot alkaloids</i> trong một số loại thực phẩm nhất định
4	G/SPS/N/USA/3036/Add.1	Hoa Kỳ	13/9/2021	Danh sách các chất phụ gia tạo màu được miễn chứng nhận: Chiết xuất từ hoa đậu biếc; Quy tắc cuối cùng
5	G/SPS/N/USA/2985/Add.2	Hoa Kỳ	13/9/2021	Kiểm tra bắt buộc đối với các sản phẩm thay thế trứng và các sản phẩm trứng đông lạnh được nhập khẩu vào Hoa Kỳ
6	G/SPS/N/UKR/163/Add.1	Ukraine	13/9/2021	Dự thảo lệnh của Bộ Kinh tế Ukraine "Phê duyệt thủ tục công nhận sự tương đương của các hệ thống kiểm soát cấp nhà nước của nước xuất khẩu"
7	G/SPS/N/COL/299/Add.2	Colombia	17/9/2021	Nghị quyết số 102664, ngày 4/8/2021 "Cơ sở thiết lập yêu cầu, thủ tục đăng ký và kiểm định chất lượng của vắc-xin bệnh lở mồm long móng"
8	G/SPS/N/EGY/92/Add.3	Ai Cập	20/9/2021	Sản phẩm thực phẩm
9	G/SPS/N/EU/490/Add.1	Liên minh châu Âu	29/9/2021	Bổ sung 3-(1-((3,5-dimethylisoxazol-4-yl)methyl)-1H-pyrazol-4-yl)- 1-(3- hydroxybenzyl) imidazolidine-2,4-dione vào danh sách các chất tạo hương vị

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien> hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

